

Số: 431/2022/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về ly hôn giữa:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1978

+ **Bị đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc N và chị Trần Thị H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc N và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 15/10/2001 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 28/8/2008. Con thứ nhất là Nguyễn Ngọc A đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con. Anh N và chị H thống nhất: Chị H trực tiếp nuôi con Nguyễn Ngọc D cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con

chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Anh N tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, được hoàn lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000104 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- UBND xã H, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)**

